

Bản chất của phát huy nội lực

Trong bất kỳ một nền sản xuất xã hội nào, quá trình phát triển và tăng trưởng kinh tế đều chịu tác động, ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau, kể cả các nhân tố bên ngoài lẫn các nhân tố bên trong, chi phối kết quả và hiệu quả của quá trình sản xuất. Tuy nhiên, trong toàn bộ các nhân tố đó thì nhân tố bên trong, năng lực nội sinh có vai trò quan trọng hơn cả, bởi nó là nhân tố quyết định để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

dịch nhanh tỷ lệ lao động giản đơn sang lao động phức tạp, đến lượt nó việc nâng cao tri thức của người lao động sẽ làm tăng năng lực khoa học và công nghệ; tiếp đến tăng cường năng lực nội sinh về khoa học - công nghệ, từng bước làm chủ và sáng tạo các công nghệ mới, tạo ra nhiều công nghệ mới có giá trị, nâng cao khả năng vai trò làm chủ các tri thức mới và năng lực sáng tạo của mọi người, tăng cường năng lực nội sinh về khoa học-công nghệ tức nâng cao khả năng và vai trò làm chủ các tri thức mới và năng lực sáng tạo của

PHÁT HUY NỘI LỰC: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN KINH NGHIỆM

TS. VŨ ANH TUẤN



Trước hết, chúng ta có thể hiểu năng lực nội sinh là các năng lực sinh ra từ bên trong, nó không chỉ là cơ sở của sự vận động, sự phát triển tự thân, mà còn là điều kiện để tiếp cận các yếu tố bên ngoài thành cái của chính mình.

Nguồn lực nội sinh là một khái niệm rất rộng, là tổng hợp các nguồn lực trong nước, không chỉ biểu hiện ở vốn, tài sản, cơ sở vật chất - kỹ thuật đã tích lũy được mà còn là tài nguyên chưa đưa vào sử dụng, lợi thế về địa lý kinh tế, chính trị, trong đó quan trọng nhất là nguồn lực con người bao gồm cả sức lao động, trí tuệ và tinh thần gắn với truyền thống văn hóa của dân tộc.

Do đó, để tăng cường năng lực nội sinh, vấn đề hàng đầu là phải phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, từng bước tạo được một đội ngũ lao động, có trình độ cao, bản lĩnh vững vàng, có tri thức, và có đầy đủ khả năng làm chủ các tri thức mới, có nhiều sáng tạo và khả năng không chỉ làm chủ mà còn sáng tạo các tri thức mới. Để nâng cao năng lực nội sinh đòi hỏi phải nâng cao trình độ lao động, tức phải chuyển

người lao động. Tăng cường năng lực nội sinh về khoa học-công nghệ cũng chính là nâng cao sức sản xuất của lao động quá khứ, giảm chi phí lao động quá khứ trong kết cấu giá trị hàng hoá. Cách đây chỉ một thế kỷ, trong công thức giá trị hàng hoá thì giá trị tư liệu sản xuất chiếm trên 50% thậm chí 2/3, còn ngày nay tư liệu sản xuất có khuynh hướng giảm xuống nhỏ nhất trong khi tư bản con người có xu hướng tăng nhanh, thực tế cho thấy ngày nay chi phí đầu tư cho tư bản con người ở các nước phát triển đã đạt trên 70%.

Để phát huy năng lực nội sinh, việc phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đòi hỏi phải sử dụng có hiệu quả các yếu tố của sản xuất xã hội đáp ứng mô hình kinh tế thị trường.

Năng lực nội sinh còn thể hiện trong việc tổ chức quản lý, phải đảm bảo quy mô sản xuất hợp lý và từng bước áp dụng công nghệ mới trong nền kinh tế quốc dân. Trong toàn bộ quá trình này, sức lao động có vai trò hết sức quan trọng.

Ngay từ năm 1960, các nhà tương lai học của Mỹ điển

hình như P. Druker đã dự đoán: "Việc làm trong tương lai sẽ chuyển từ phương thức lao động bằng thể lực sang lao động bằng não lực". Xu hướng chuyển dịch ấy đang ngày càng thể hiện rõ nét. Ngày nay ở các nước phát triển tỷ lệ lao động trí thức đã đạt 50-60%, tỷ lệ này vẫn tiếp tục nâng dần, ở Mỹ lực lượng lao động trí thức hiện nay đã thu nạp tới 3/4 nguồn nhân lực toàn xã hội, điều này hoàn toàn phù hợp với dự báo của C. Mác cách đây hơn một thế kỷ về sự giảm dần của đội ngũ công nhân cổ xanh và sự tăng dần của đội ngũ công nhân cổ trắng.

Đối với nước ta phát huy nội lực thể hiện trên các nội dung sau:

- Một là phân công lại lao động xã hội, xây dựng cơ cấu kinh tế sao cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong xu thế toàn cầu hoá và kinh tế tri thức.

- Hai là đào tạo đội ngũ lao động phù hợp về số lượng, chất lượng và ngành nghề theo yêu cầu sự chuyển đổi của nền kinh tế, cần đẩy nhanh tốc độ tri thức hoá nguồn nhân lực.

- Ba là thực hiện cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật, khoa học- công nghệ, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho toàn bộ các ngành của nền kinh tế quốc dân.

- Bốn là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy vai trò tự chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, của từng ngành, từng doanh nghiệp, từng loại hình sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu quan trọng để xác định khả năng phát huy nội lực của một nước, một vùng là tỷ lệ tiết kiệm nội bộ từ GDP và chỉ số HDI.

Tác động của phát huy nội lực đến phát triển kinh tế

Quá trình phát triển kinh tế của bất kỳ quốc gia nào trong mọi hoàn cảnh lịch sử đều phụ thuộc vào các nhân tố nội lực và ngoại lực. Có thể nêu 3 cách, một là, phát huy nội lực của nền kinh tế, tức sự phát triển hoàn toàn dựa vào các nhân tố nội sinh; hai là, sử dụng nguồn lực của nước ngoài, dựa vào ngoại lực tức dựa vào vốn và kỹ thuật của các nước

khác; ba là, phối hợp phát huy nội lực ở trong nước và sử dụng ngoại lực của nước ngoài.

Theo cách 1, phát triển kinh tế - xã hội dựa hoàn toàn vào phát huy nội lực của nền kinh tế thành phố không sử dụng ngoại lực, sẽ nảy sinh một số khó khăn như nguồn vốn của thành phố và cả nước còn hạn hẹp, chưa có chính sách đủ sức huy động nguồn vốn còn tiềm năng trong dân, thị trường tiêu thụ khó khăn do sức mua trong nước còn nhỏ, thị trường ngoài nước hạn chế, công nghệ kỹ thuật tiên tiến ở các nước ít vào....

Theo cách 2, phát triển kinh tế - xã hội dựa vào nguồn lực nước ngoài hoàn toàn, phần lớn sẽ gặp nhiều vấn đề phức tạp: cơ cấu kinh tế của thành phố sẽ không hợp lý, không đồng bộ, chủ yếu sẽ là nơi cung cấp lao động và thị trường, nguồn lực con người không được phát huy.

Như vậy ở Việt Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng phát triển kinh tế phải trên cơ sở phát triển mạnh và bền vững theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá XHCN chỉ trên cơ sở phát huy nội lực kết hợp với huy động ngoại lực, trong đó nội lực là quyết định.

Nội lực hay năng lực nội sinh là tổng hợp toàn bộ các nguồn lực trong thành phố, bao gồm nguồn vốn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài nguyên tự nhiên, vị trí địa lý và nguồn nhân lực, đường lối chính sách cơ chế quản lý.

Để phát huy nội lực, phát huy năng lực nội sinh phục vụ phát triển kinh tế-xã hội cần phải tăng cường tiết kiệm và đầu tư cơ sở vật chất-kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, nguồn nhân lực và cơ chế chính sách.

Kinh nghiệm huy động nội lực ở một số nước trong khu vực

Trong suốt quá trình phát triển, để duy trì tăng trưởng các nước rất coi trọng nhiệm vụ tạo vốn để mở rộng qui mô sản xuất xã hội. Các chỉ tiêu tiết kiệm và đầu tư giữ vai trò quan trọng và được quan tâm đặc biệt, bảng sau là tình hình tiết kiệm và đầu tư của một số nước trong khu vực:



	Tiết kiệm nội bộ (%GDP)				Đầu tư (% GDP)			
	91-95	96	97	98	91-95	96	97	98
Hàn Quốc	36	37.4	38	43	37.1	38	34.7	37.6
Malaysia	37.1	40.7	42.2	45	39.1	46.8	47.1	39.5
Thái Lan	35.9	36.8	39	40.5	34.8	42.8	39.1	35

Mặc dù có thăng trầm và chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính năm 1997 nhưng nhìn chung tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư của các nước này vẫn được duy trì ở mức cao.

Thực tế cho thấy trong quá trình phát triển cũng có những nước chủ trương dựa vào ngoại lực thông qua nhập khẩu tư bản và công nghệ, trong số họ có thể chia thành hai nhóm, một nhóm do sử dụng có hiệu quả tư bản nhập khẩu để phát triển sản xuất và xuất khẩu nay đã thanh toán xong nợ và trở thành nước phát triển như Nhật Bản, Singapore...nhưng nhóm các nước khác do không sử dụng tốt tư bản nhập khẩu và do năng lực nội sinh kém đã không tiêu hoá có hiệu quả tư bản nhập khẩu nên bị thua thiệt trong thương mại cả trên trường quốc tế và trên sân nhà, do vậy các nước này lâm vào tình cảnh nợ nần chồng chất không có khả năng thanh toán nợ dẫn tới chỗ khu vực đầu tư nước ngoài lấn át khu vực nội địa vì vậy nền kinh tế phụ thuộc vào bên ngoài, làm cho đồng nội tệ mất giá và phụ thuộc vào đồng ngoại tệ, nền kinh tế thiếu ổn định.

Ngược lại, những nước xác định đúng tầm quan trọng của nội lực, coi nội lực là nhân tố giữ vai trò quyết định trên cơ sở tranh thủ ngoại lực từ bên ngoài để phát triển đã luôn tạo được sự ổn định cao. Bảng số liệu trên cho thấy các nước bạn trong khu vực rất coi trọng chỉ tiêu tích lũy nội bộ và việc duy trì tỷ lệ đầu tư cao là điều kiện để phát triển nhanh và bền vững, do đó mặc dù cơn bão tài chính tác động khá lớn đến các nền kinh tế này nhưng theo một qui luật chung "bão ngừng, mưa tạnh trời lại xanh trong", các nước này đã nhanh chóng phục hồi, thậm chí bắt đầu rất ngoạn mục, Hàn Quốc đã đạt 7-9% sau đó.

Kinh nghiệm Trung Quốc cũng đã chứng minh rằng mặc dù là nước nghèo, dân số đông (21% dân số thế giới), thu nhập bình quân đầu người thấp nhưng việc phát triển kinh tế có thể dựa chủ yếu vào tỷ lệ tiết kiệm trong nước. Trong khoảng 20 năm gần đây tỷ lệ tiết kiệm của nước này đạt tới 37% và hiện nay tới hơn 40%, dự trữ quốc gia tăng nhanh hiện đứng ở nhóm đầu thế giới. Vì vậy chỉ với hai thập kỷ qua Trung Quốc đã thanh toán được nợ nước ngoài, nếu trừ dự trữ ngoại tệ quốc gia thì hiện nay nợ nước ngoài của bạn là 0%GDP. Như vậy rõ ràng tiết kiệm và đầu tư nội bộ giữ vai trò quan trọng quyết định sự phát triển.

Ngoài nhân tố tiết kiệm và đầu tư, các nước bạn đặc biệt coi trọng việc định hướng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao dân trí và năng lực khoa học trong nước. Nếu so sánh giữa Hàn Quốc và Việt Nam có sự chênh lệch khá lớn: chi phí bình quân cho giáo dục (USD/người/năm) là 225/13; tương tự chi phí bình quân cho một cán bộ khoa học là 55.000/1.200, vì thế dân trí nước bạn nâng cao nhanh chóng, nguồn nhân lực phát triển nhanh và năng lực khoa học được tăng cường. Đến lượt nó, dân trí và năng lực khoa học nâng cao đã đóng góp tạo ra và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nội sinh đồng thời tận dụng có hiệu quả nguồn lực ngoại sinh cho sự phát triển.

Kết quả và những vấn đề đặt ra

Việc tăng cường huy động nội lực đã góp vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế ở nước ta nói chung và ở TP. HCM nói riêng. Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư của cả nước liên tục tăng lên: tỷ lệ tiết kiệm/GDP năm 1995 là 15%, năm 1997 là 17%, hiện nay khoảng gần 20%; tỷ lệ đầu tư tăng từ 12% năm 1989 lên 26% năm 1997 và khoảng 30% vào năm 2001. Nếu như giai đoạn 1991-1995 tổng đầu tư toàn xã hội khoảng 18 tỷ USD thì giai đoạn 1996-2000 đạt khoảng 36 tỷ USD và mục tiêu giai đoạn 2001-2005 từ 56-60 tỷ USD. Việc nâng cao không ngừng tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư đã có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế của cả nước thời kỳ 1991-1995 đạt bình quân là 8,2%; tương tự thời kỳ 1996-2000 là 7%, như vậy bình quân cả thời kỳ 1991-2000 là 7,6%; tỷ trọng của 3 khu vực của nền kinh tế năm 2001 là 23%, 38% và 39%.

Riêng ở TP.HCM, tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư thường xuyên tăng ở mức cao so với cả nước, do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân luôn cao hơn so với bình quân cả nước: tỷ lệ tiết kiệm/GDP các năm 1991-1995 là 20%, cả nước là 16,7%; năm 1996 là 26%, cả nước là 16,7%; năm 1997 là 27%, cả nước là 17%... vốn đầu tư bình quân của TP. HCM thời kỳ 1996-2000 tăng 9,18%. Do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố thời kỳ 1991-1995 đạt 12,6%, thời kỳ 1996-2000 là 10,2%, bình quân thời kỳ 1991-2000 là 11,4% cao gấp 1,5 lần bình quân cả nước. TP. HCM cùng với Hà Nội là hai địa phương có cơ cấu kinh tế tiên tiến nhất so với các địa phương khác trong cả nước, tỷ trọng 3 khu vực của TP. HCM năm 2000 là 2%, 45% và 53%. Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ đầu tư thành phố phải đạt 34-35%/GDP, trong đó cần tăng nhanh tiết kiệm nội bộ để đạt 87% cho cả thời kỳ 2001-2010.

Phát triển kinh tế-xã hội thành phố thời gian qua phải kể đến việc huy động có hiệu quả các tiềm năng khác như nhân lực, địa lý tự nhiên, tiềm lực khoa học-công nghệ...những yếu tố này đã tạo thế đứng và lực hấp dẫn trong đầu tư và tăng trưởng của thành phố.

Do điều kiện tự nhiên, TP. HCM có lợi thế hơn hẳn so với các địa phương khác và với khu vực, tuy nhiên việc phát huy tiềm năng vẫn còn nhiều hạn chế. Để huy động tốt nhất nội lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội cần giải quyết những mâu thuẫn và hạn chế sau:

- Chính sách đầu tư ở thành phố đang kém hấp dẫn hơn so với các địa phương phụ cận, doanh nhân của thành phố đang bị các địa phương khác như Bình Dương, Đồng Nai, Long An...thu hút.

- Giá thuê đất cao làm mất khả năng cạnh tranh thu hút đầu tư cả doanh nhân trong nước và nước ngoài (hiện giá thuê đất ở TP. HCM cao gấp từ 4-6 lần ở Trung Quốc, 6 lần ở Thái Lan).

- Chi phí hạ tầng cao nhưng chất lượng phục vụ kém: chi phí giao thông, năng lượng, thông tin cao làm tăng các yếu tố đầu vào dẫn đến tăng giá thành làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng hoá.

- Về nhân lực đang có sự cạnh tranh gay gắt giữa khu vực nội địa và khu vực đầu tư nước ngoài, giữa quốc doanh và ngoài quốc doanh, do vậy cần có chính sách thiết thực để thu hút, giữ và sử dụng tốt những công chức có năng lực và trách nhiệm cho khu vực nhà nước ■